TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2 - ĐIỆN BIÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **26**/2026/HNGĐ- ST
Ngày: 06/4/2026.
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Thị Tố Loan.**
Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Quang Khải.**
Bà **Lò Thị Vinh.**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Đào Thị Huế -** Thẩm tra viên chính, Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Điện Biên;

Ngày 06 tháng 4 năm 2026 tại Trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Điện Biên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 124/2026/TLST- HNGĐ ngày 03 tháng 3 năm 2026 về việc: "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*"; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2026/QĐXXST- HNGĐ, ngày 23 tháng 3 năm 2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Vàng Thị O**; sinh năm 1991; Địa chỉ: Bản T X B, xã P, huyện Đ, tỉnh Điện Biên (nay là Bản T X B, xã X, tỉnh Điện Biên), *có mặt tại phiên tòa.*

- Bị đơn: Anh **Chá A C**; sinh năm 1992; Địa chỉ: Bản T X B, xã P, huyện Đ, tỉnh Điện Biên (nay là Bản T X B, xã X, tỉnh Điện Biên). Hiện đang chấp hành án tại: Đội 45, Phân trại I, Trại giam Nà Tấu (Địa chỉ: Bản Tà Cáng, xã Nà Tấu, tỉnh Điện Biên), *vắng mặt tại phiên tòa.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 27/02/2026 và trO quá trình xét xử nguyên đơn chị Vàng Thị O trình bày:

1. Về hôn nhân: Chị Vàng Thị O và anh Chá A C Cng sống với nhau như vợ chồng từ đầu năm 2011 sau đó đến ngày 24/12/2013 anh chị mới đi đăng ký

kết hôn tại UBND xã P, huyện Đ, tỉnh Điện Biên (nay là Bản T X B, xã X, tỉnh Điện Biên), anh chị kết hôn hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc. TrO thời gian đầu cuộc sống của vợ chồng anh chị có hạnh phúc, sau đó thì xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân chính là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói Cng. Năm 2018 anh Chá A C bị Toà án nhân dân tỉnh Điện Biên xử phạt 20 năm tù về tội "Mua bán trái phép chất ma tuý" và hiện anh C đang chấp hành án tại: Đội 45, Phân trại I, Trại giam Nà Tấu (Địa chỉ: Xã Nà Tấu, tỉnh Điện Biên). Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy chị O làm đơn này đề nghị Tòa án nhân dân Khu vực 2- Điện Biên xem xét, giải quyết cho chị được ly hôn với anh Chá A C.

2. Về con Cng: Chị Vàng Thị O và anh Chá A C có 02 con Cng là cháu Chá A S; sinh ngày 18/11/2011 và Chá A Ê; sinh ngày 02/9/2016. Quan điểm của chị O sau khi ly hôn chị sẽ là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng các con Cng cho đến khi các cháu đủ tuổi thành niên hoặc khi có thay đổi khác. Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con: Chị Vàng Thị O không yêu cầu Toà án giải quyết.

3. Về tài sản riêng; tài sản Cng; nợ phải trả; nợ lấy về và diện tích ruộng nương: Chị O không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Điện Biên đã gửi thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo các nội dung và yêu cầu cụ thể của chị O cho anh Chá A C biết để anh C thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình.

Tại biên bản tự khai của đương sự đề ngày 11 tháng 3 năm 2026 bị đơn anh Chá A C trình bày:

- Về hôn nhân: Anh Chá A C và chị Vàng Thị O Cng sống với nhau như vợ chồng từ đầu năm 2011 sau đó đến ngày 24/12/2013 anh chị mới đi đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện Đ, tỉnh Điện Biên (nay là Bản T X B, xã X, tỉnh Điện Biên), anh chị kết hôn hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc. TrO thời gian đầu cuộc sống của vợ chồng anh chị có hạnh phúc, sau đó thì xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân chính là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói Cng. Năm 2018 anh Chá A C bị Toà án nhân dân tỉnh Điện Biên xử phạt 20 năm tù về tội "Mua bán trái phép chất ma tuý" và hiện anh C đang chấp hành án tại: Đội 45, Phân trại I, Trại giam Nà Tấu (Địa chỉ: Xã Nà Tấu, tỉnh Điện Biên). Anh chị đã sống ly thân từ năm 2018 đến nay. Nay chị O làm đơn ly hôn với anh C, anh đồng ý ly hôn với chị O. Đề nghị Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Điện Biên xem xét, giải quyết cho vợ chồng anh chị. Vì anh C đang chấp hành án không thể đến tham gia xét xử tại Tòa án được, anh C làm đơn xin vắng mặt.

- Về con Cng: Chị Vàng Thị O và anh Chá A C có 02 con Cng là cháu Chá A S; sinh ngày 18/11/2011 và Chá A Ê; sinh ngày 02/9/2016. Anh C trình bày rằng từ năm 2020 chị O đi đâu và làm gì không báo với anh, các con Cng do bố mẹ đẻ của anh chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh mO muốn Tòa án giải quyết giao các con Cng cho Bố mẹ đẻ của anh là ông Chá Vả Sớ và bà Lầu Thị Mua nuôi dưỡng, chăm sóc, anh không đồng ý giao các con Cng cho chị Vàng Thị O. Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con Cng: Anh C không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về tài sản: Tài sản riêng; Tài sản Cng; Nợ phải trả; Nợ lấy về và diện tích ruộng: Anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn chị Vàng Thị O vẫn giữ nguyên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, yêu cầu Tòa án giải quyết về vấn đề con Cng; về quan hệ tài sản như nội dung trO đơn khởi kiện và bản tự khai chị đã trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trO hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa. Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thủ tục thụ lý việc khởi kiện của nguyên đơn: Ngày 27/02/2026 chị Vàng Thị O nộp đơn khởi kiện về việc Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn tại Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Điện Biên đối với anh Chá A C hiện nay đang chấp hành án tại Trại giam Nà Tấu, trước khi bị bắt anh C có địa chỉ tại: Bản T X B, xã P, huyện Đ, tỉnh Điện Biên (nay là Bản T X B, xã X, tỉnh Điện Biên). Ngày 02/3/2026 chị O có đơn xin miễn án phí, ngày 03/3/2026 Tòa án đã thụ lý vụ án để giải quyết yêu cầu khởi kiện của chị O theo Điều 195 BLTTDS.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết: Yêu cầu Ly hôn giữa chị Vàng Thị O và anh Chá A C thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Điện Biên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

[1.3] Các vấn đề khác: Bị đơn anh Chá A C hiện đang chấp hành án trO Trại giam Nà Tấu nên quá trình giải quyết Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Điện Biên không tiến hành hòa giải theo quy định tại Khoản 2 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã được tống đạt hợp lệ nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt, do đó Hội đồng xét xử căn cứ Khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự vẫn tiến hành xét xử vụ án theo đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét về hôn nhân: Chị Vàng Thị O và anh Chá A C Cng sống như vợ chồng từ năm 2011 sau đó đến ngày 24/12/2013 anh chị mới đi đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện Đ, tỉnh Điện Biên (nay là Bản T X B, xã X, tỉnh

Điện Biên), anh chị kết hôn hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc. Như vậy đã tuân thủ đầy đủ các qui định của pháp luật về điều kiện kết hôn và đăng ký kết hôn theo qui định tại Điều 8; Điều 9 Luật hôn nhân gia đình nên quan hệ giữa chị O và anh C là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận. TrO thời gian đầu cuộc sống của vợ chồng có hạnh phúc sau đó thì xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân chính là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói Cng. Đến năm 2018 anh Chá A C bị Toà án nhân dân tỉnh Điện Biên xử phạt 20 năm tù về tội "Mua bán trái phép chất ma tuý" và hiện anh C đang chấp hành án tại: Đội 45, Phân trại I, Trại giam Nà Tấu (Địa chỉ: Xã Nà Tấu, tỉnh Điện Biên). HĐXX thấy rằng bản thân anh C đã không làm tròn trách nhiệm của người chồng, người cha dẫn đến tình trạng hôn nhân giữa chị O và anh C lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống Cng không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào qui định tại Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 cần chấp nhận nguyện vọng xin ly hôn của chị O.

[2.2] Xét về con Cng: Chị Vàng Thị O và anh Chá A C có 02 con Cng là cháu Chá A S; sinh ngày 18/11/2011 và Chá A Ê; sinh ngày 02/9/2016. Chị O có nguyện vọng sau khi ly hôn sẽ là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng các cháu cho đến tuổi thành niên hoặc khi có thay đổi khác.

Tại bản tự khai ngày 11/3/2026 bị đơn anh Chá A C trình bày, nguyên vọng của anh C sau khi ly hôn các con Cng là cháu Chá A S; sinh ngày 18/11/2011 và Chá A Ê; sinh ngày 02/9/2016 sẽ do bố mẹ đẻ của anh C là người trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng các cháu cho đến khi các cháu đủ tuổi thành niên hoặc khi có thay đổi khác.

Hội đồng xét xử xét thấy rằng hiện tại anh C đang chấp hành án tại Trại giam Nà Tấu, anh C không thể có điều kiện nuôi dưỡng các cháu Chá A S và Chá A Ê, việc anh C mO muốn các con Cng sẽ do bố mẹ đẻ của anh nuôi dưỡng, chăm sóc như vậy sẽ trái với quy định của pháp luật. Vì vậy để đảm bảo quyền lợi cho các cháu và đảm bảo sự phát triển về mọi mặt của trẻ cũng như đơn trình bày nguyện vọng của các cháu. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị O, giao các con Cng cho chị O trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ tuổi thành niên hoặc khi có thay đổi khác.

Hiện tại anh C đang chấp hành án không có khả năng cấp dưỡng nên HĐXX chấp nhận việc chị O không yêu cầu Toà án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con Cng.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc giáo dục con Cng, không ai được cản trở.

[2.3] Về quan hệ tài sản: Tài sản riêng, Tài sản Cng, nợ phải trả, nợ lấy về, diện tích ruộng nương: Chị O và anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết. HĐXX không xem xét.

[3] Về nghĩa vụ chịu án phí: Áp dụng Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự và Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Vàng Thị O phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Tuy nhiên chị O là đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn, chị O có đơn xin miễn án phí. Vì vậy HĐXX chấp nhận miễn án phí DSST cho chị Vàng Thị O.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147; Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 81 Điều 82, Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Vàng Thị O với anh Chá A C.

2. Về con Cng, con riêng: Giao các con Cng là các cháu Chá A S; sinh ngày 18/11/2011 và Chá A Ê; sinh ngày 02/9/2016 cho chị Vàng Thị O trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi các cháu thành niên hoặc khi có thay đổi khác. Việc cấp dưỡng nuôi con Cng: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con Cng không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên đương sự, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con Cng, con riêng.

3. Về chia tài sản Cng; tài sản riêng; nợ phải trả; nợ lấy về; diện tích ruộng: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho chị Vàng Thị O.

5. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Chị Vàng Thị O có quyền kháng cáo bản án trO thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 06/4/2026).

Anh Chá A C vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trO thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày Tòa án niêm yết bản án./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSNDKV2ĐB;
- UBND xã Thanh Nưa,
, tỉnh ĐB (nơi Đký kết hôn);
- Tòa án ND tỉnh ĐB;
- Lưu VP
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Tố Loan